

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
PHƯỜNG TRUNG VƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 99/QĐ-UBND

P. Trung Vương, ngày 16 tháng 08 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai Quyết toán ngân sách năm 2021**  
**phường Trung Vương**

**ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TRUNG VƯƠNG**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ nghị quyết số: 05/NQ-HĐND ngày 28/7/2022, của Hội đồng nhân dân phường Trung Vương, về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2021, phường Trung Vương.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2021 của phường Trung Vương

*(Có biểu chi tiết kèm theo)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Văn phòng HĐND-UBND, công chức Tài chính - Kế toán và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- UBND TP;
- Phòng TC KH TP;
- Đảng ủy Phường;
- HĐND phường;
- Các tổ chức đoàn thể
- Các tổ dân phố;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đặng Thế Sơn**

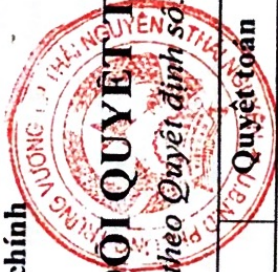
Thái Nguyên

Cục Tin học và Thông kê Tài chính-Bộ Tài chính  
UBND PHƯỜNG TRUNG VƯƠNG

Biểu số 116/CK TC-NSNN

## BẢNG CÁN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số: 99 /QĐ-UBND ngày 16/8/2022)



Nội dung thu	Quyết toán	Nội dung chi	Quyết toán
Tổng số thu	6.057.019.212	Tổng chi	5.936.753.635
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	840.120.023	I. Chi đầu tư phát triển	0
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	1.051.261.359	II. Chi thường xuyên	5.458.515.241
- Bổ sung cân đối ngân sách	2.819.418.000	III. Chi chuyên nguồn của ngân sách xã sang năm sau (Nếu có)	478.238.394
- Bổ sung có mục tiêu	827.253.000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	0
<b>Kết dư ngân sách</b>	<b>120.265.577</b>		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã



**QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 16/8/2022)

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)		ĐVT: đồng
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	
I	Chỉ tiêu thu thuế	9.735.000.000	1.451.500.000	10.798.404.855	1.764.481.382	110,92	121,56	
1	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	8.935.000.000	651.500.000	9.774.284.832	740.361.359	109,39	113,64	
1,1	Thuế ngoài Quốc doanh	4.820.000.000	480.000.000	4.618.257.863	461.089.211	95,81	96,06	
	Thuế GTGT	4.800.000.000	480.000.000	4.610.890.863	461.089.211	96,06	96,06	
	Thuế tiêu thụ đặc biệt	20.000.000		7.367.000		36,84		
1,2	Thuế thu nhập cá nhân	3.400.000.000	100.000.000	4.169.607.297	182.010.022	122,64	182,01	
	Thuế TNCN hộ kinh doanh	2.400.000.000		2.334.390.423		97,27		
	Thuế TNCN nhà đất	1.000.000.000	100.000.000	1.820.100.208	182.010.022	182,01	182,01	
	Thuế TNCN (Thuế Tài sản)			15.116.666				
1,3	Thuế phi nông nghiệp	465.000.000	46.500.000	512.638.750	51.263.879	110,24	110,24	
1,4	Lệ phí trước bạ	250.000.000	25.000.000	459.982.434	45.998.247	183,99	183,99	
1,5	Thu khác (Chậm nộp thuế)			13.798.488				
2	Các khoản thu 100%	800.000.000	800.000.000	1.024.120.023	1.024.120.023	128,02	128,02	
2,1	Phí môn bài	308.000.000	308.000.000	310.900.000	310.900.000	100,94	100,94	
2,2	Phí lệ phí	450.000.000	450.000.000	488.790.023	488.790.023	108,62	108,62	
2,3	Thu khác Ngân sách	42.000.000	42.000.000	224.430.000	224.430.000	534,36	534,36	
II	Các khoản đóng góp tự nguyện				126.900.000			
III	Thu kết dư ngân sách				408.860.536			
IV	Thu bổ sung từ NS cấp trên		2.819.418.000		3.646.651.000		129,34	
I	Bổ sung cân đối NS		2.819.418.000		2.819.418.000			
2	Bổ sung có mục tiêu				827.233.000			
V	Thu chuyển nguồn NS				110.126.294			
	<b>TỔNG THU</b>	<b>9.735.000.000</b>	<b>4.270.918.000</b>	<b>10.798.404.855</b>	<b>6.057.019.212</b>	<b>110,92</b>	<b>141,82</b>	





## QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số: 99/QĐ-UBND ngày 16/8/2022)

ĐVT: đồng

TT	Khoản mục	Dự toán			Quyết toán			So sánh		
		Tổng số	ĐT PT	Thường xuyên	Tổng số	ĐT PT	Thường xuyên	Tổng số	ĐT PT	Thường xuyên
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	<b>TỔNG CHI</b>	<b>5.533.194.524</b>		<b>5.533.194.524</b>	<b>5.936.753.635</b>		<b>5.936.753.635</b>	<b>107</b>		<b>107</b>
<b>A</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>5.533.194.524</b>		<b>5.533.194.524</b>	<b>5.419.015.241</b>		<b>5.419.015.241</b>	<b>98</b>		<b>98</b>
<b>1</b>	<b>Chi công tác DQ tự vệ, an ninh trật tự</b>	<b>771.635.000</b>		<b>771.635.000</b>	<b>770.305.000</b>		<b>770.305.000</b>	<b>100</b>		<b>100</b>
1.1	Chi dân quân tự vệ	400.800.000		400.800.000	400.800.000		400.800.000	100		100
1.2	Chi an ninh trật tự	370.835.000		370.835.000	369.505.000		369.505.000	100		100
<b>2</b>	<b>Sự nghiệp văn hóa, thông tin</b>	<b>80.000.000</b>		<b>80.000.000</b>	<b>78.920.000</b>		<b>78.920.000</b>	<b>99</b>		<b>99</b>
<b>3</b>	<b>Sự nghiệp thể dục, thể thao</b>	<b>15.000.000</b>		<b>15.000.000</b>	<b>7.440.000</b>		<b>7.440.000</b>	<b>50</b>		<b>50</b>
<b>4</b>	<b>Sự nghiệp xã hội</b>	<b>97.000.000</b>		<b>97.000.000</b>	<b>94.684.000</b>		<b>94.684.000</b>	<b>98</b>		<b>98</b>
<b>5</b>	<b>Chi QL Nhà nước, Đảng, Đoàn thể</b>	<b>4.472.059.524</b>		<b>4.472.059.524</b>	<b>4.370.166.241</b>		<b>4.370.166.241</b>	<b>98</b>		<b>98</b>
5.1	Quản lý Nhà nước	2.614.774.524		2.614.774.524	2.518.977.311		2.518.977.311	96		96
5.2	Chi Hội đồng nhân dân	736.285.000		736.285.000	736.285.000		736.285.000	100		100
5.3	Chi hoạt động của Đảng	468.000.000		468.000.000	464.540.521		464.540.521	99		99
5.4	Mặt trận tổ quốc Việt nam	271.959.841		271.959.841	271.950.841		271.950.841	100		100
5.5	Đoàn Thanh niên CSHCM	101.000.000		101.000.000	100.372.568		100.372.568	99		99
5.6	Hội phụ nữ Việt Nam	127.040.159		127.040.159	127.040.000		127.040.000	100		100
5.7	Hội cựu chiến binh Việt Nam	75.000.000		75.000.000	75.000.000		75.000.000	100		100
5.8	Hội Nông dân Việt Nam	78.000.000		78.000.000	76.000.000		76.000.000	97		97
<b>6</b>	<b>Chi tổ chức xã hội khác</b>	<b>97.500.000</b>		<b>97.500.000</b>	<b>97.500.000</b>		<b>97.500.000</b>	<b>100</b>		<b>100</b>
6.1	Hội chữ thập đỏ	21.500.000		21.500.000	21.500.000		21.500.000	100		100
6.2	Hội người cao tuổi	21.500.000		21.500.000	21.500.000		21.500.000	100		100
6.3	Hội Da cam, TNXP, Đông y	54.500.000		54.500.000	54.500.000		54.500.000	100		100
<b>B</b>	<b>Dự phòng Ngân sách</b>				<b>39.500.000</b>		<b>39.500.000</b>			
<b>C</b>	<b>Tiết kiệm chi 10% chi khác</b>									
<b>D</b>	<b>Chi chuyển nguồn Ngân sách</b>				<b>478.238.394</b>		<b>478.238.394</b>			



## QUYẾT TOÁN CHI ĐÀU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số: 99/QĐ-UBND ngày 16/8/2022)

ĐVT: 1000 đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2021	Tổng số	Trong đó thành toán khối lượng năm trước	Giá trị đã thanh toán năm 2021	
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp				Nguồn cân đối ngân sách	Chi theo nguồn vốn
<b>TỔNG SỐ</b>			0		2.016.698	2.016.698	2.016.698	0
<b>1. Công trình chuyển tiếp</b>			0		2.016.698	2.016.698	2.016.698	0
<i>1.1 Cải tạo, sửa chữa nhà lớp học 3 tầng 15 phòng trường THCS Trung Vương, TP Thái Nguyên</i>	2019-2020	4.378.954	0		1.366.698	1.366.698	1.366.698	0
Trong đó: hoàn thành trong năm 2020		4.378.954	0		1.366.698	1.366.698	1.366.698	0
<i>1.2 Cải tạo, nâng cấp tuyến đường phố Nhị Quý đoạn từ 17 phường Trung Vương, TP Thái Nguyên</i>	2020-2021	2.385.929	0		650.000	650.000	650.000	0
Trong đó: hoàn thành trong năm 2021		2.385.929	0		650.000	650.000	650.000	0





**THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 16/8/2022)

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Tồn năm 2020 chuyển sang	Thực hiện năm 2021			Ghi chú
			Thu	Chi	Tồn	
<b>1</b>	<b>Các quỹ công chuyên dùng</b>					
1.1	Quỹ đền ơn đáp nghĩa	22.295.061	32.320.000	33.400.000	21.215.061	
1.2	Quỹ khuyến học	1.379.300	33.507.000	29.383.500	5.502.800	
1.3	Quỹ trẻ thơ	2.247.500	33.520.000	29.165.000	6.602.500	
1.4	Quỹ nhân đạo	25.651.804	24.345.000	30.000.000	19.996.804	
1.5	Quỹ chăm sóc người cao tuổi	7.965.400	33.015.000	35.671.500	5.308.900	
1.6	Quỹ vì người nghèo	31.222.000	16.230.000	25.700.000	21.752.000	
1.7	Quỹ chất độc da cam	16.030.000	16.210.000	18.800.000	13.440.000	
1.8	Quỹ phòng chống bão lụt	1.261.498		0	1.261.498	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>108.052.563</b>	<b>189.147.000</b>	<b>202.120.000</b>	<b>95.079.563</b>	



*Trung Vương, ngày 16 tháng 08 năm 2022*

**CÔNG KHAI THUYẾT MINH**  
**Quyết toán ngân sách phường Trung Vương năm 2021**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định 163/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;*

*Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 28/07/2022 của Hội đồng nhân dân phường Trung Vương về việc phê chuẩn dự toán ngân sách phường Trung Vương năm 2021;*

Thực hiện Nghị quyết của Đảng bộ phường Trung Vương về nhiệm vụ phát triển kinh tế - phường hội của địa phương năm 2021; cụ thể:

**I. QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2021**

**1. Căn cứ và nguyên tắc xây dựng dự toán ngân sách:**

Xây dựng dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2021 phải đảm bảo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách giữa ngân sách tỉnh với ngân sách thành phố, ngân sách xã, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương. Dự toán xây dựng phải đảm bảo sự phát triển, đảm bảo đủ nguồn lực để thực hiện các chế độ chính sách, các hoạt động có tính chất thường xuyên, liên tục và mục tiêu phát triển kinh tế phường hội năm 2021 mà Đảng bộ phường đã đề ra. Dự toán chi ngân sách nhà nước được xây dựng trên cơ sở các tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách nhà nước của HĐND thành phố, các quy định của pháp luật về chính sách, chế độ chi tiêu ngân sách hiện hành và yêu cầu kinh phí thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, đảm bảo triệt để tiết kiệm, chống lãng phí.

**2. Quyết toán thu ngân sách năm 2021**

**2.1. Quyết toán thu ngân sách nhà nước: 10.798.404.855 đồng**

Trong đó:

- Thu bổ sung ngân sách cấp trên:

- Thu theo tỷ lệ điều tiết: 10.798.404.855 đồng

**\* Dự toán thu NSNN được giao thu năm 2021:**

Thu NSNN năm 2022 của phường là: 10.798.404.855 đồng, cụ thể:

- Phí lệ phí: 488.790.023 đồng.

- Thuế GTGT: 4.610.890.863 triệu đồng

- Thuế phi nông nghiệp: 512.638.750 đồng



- Thuế môn bài: 310.900.000 đồng
- Lệ phí trước bạ nhà, đất: 459.982.434 đồng
- Thuế thu nhập cá nhân từ đất: 1.820.100.208 đồng
- Thuế thu nhập cá nhân từ hộ: 2.334.390.423 đồng

## **2.2. Quyết toán thu ngân sách xã: 6.057.019.212 đồng**

Trong đó:

- Thu theo tỷ lệ điều tiết: 1.764.481.382 đồng
- Thu bổ sung ngân sách cấp trên: 3.646.651.000 đồng

## **\* Quyết toán thu ngân sách phường được giao thu năm 2022: 6.057.019.212 đ**

Thu NS phường năm 2021 của phường là: 1.764.481.382 đồng, cụ thể:

- Phí lệ phí: 488.790.023 đồng.
- Thuế GTGT: 461.089.211 triệu đồng
- Thuế phi nông nghiệp: 51.263.879 đồng
- Thuế môn bài: 310.900.000 đồng
- Lệ phí trước bạ nhà, đất: 45.998.247 đồng
- Thuế thu nhập cá nhân từ đất: 182.010.022 đồng

## **\* Quyết toán thu NSNN ngoài giao thu năm 2021:**

- Thu bổ sung cân đối từ cấp trên: 2.646.651.000 đồng

## **3. Dự toán chi ngân sách xã:**

Tổng chi ngân sách năm 2021 là: **5.936.753.635** đồng

Trong đó:

- + Chi thường xuyên: 5.419.015.241 đồng
- + Dự phòng ngân sách: 39.500.000 đồng

## **4. Thu chi các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách của phường năm 2021.**

- Các cơ quan, ban ngành xây dựng kế hoạch vận động các loại quỹ phường hội, nhân đạo, từ thiện.. theo quy định. Ủy ban MTTQ phường phối hợp với các đoàn thể vận động thu quỹ Đền ơn đáp nghĩa, Vì người nghèo, Trẻ thơ, Da cam, Chữ thập đỏ, Chăm sóc người cao tuổi, Khuyến học.

## **II. Khó khăn, vướng mắc, hạn chế, nguyên nhân và giải pháp:**

### **1. Khó khăn, vướng mắc, hạn chế**

- Bên cạnh những khoản thu đạt cao, xong vẫn còn một số sắc thuế đạt thấp như: Thuế giá trị gia tăng đạt: 96,06% so với kế hoạch; Thuế TNCN từ hộ kinh doanh đạt: 97,27% so với kế hoạch...

- Chi ngân sách cũng một số khó khăn nhất định. Cụ thể theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh Thái Nguyên về việc quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Tuy nhiên chưa được thành phố giao trong dự toán mà do Ngân sách phường phải tự cân đối tiết kiệm từ nguồn chi khác.

### **2. Nguyên nhân:**





- Do dịch bệnh Covid – 19 bùng phát, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh dẫn đến ảnh hưởng một số chỉ tiêu thu ngân của địa phương.

- Công tác Quản lý nhà nước chưa chặt chẽ dẫn đến một số nguồn thu chưa được khai thác, quản lý triệt để, đầy đủ và kịp thời.

### **3. Giải pháp thực hiện:**

#### **3.1. Về thu ngân sách:**

- Tăng cường công tác quản lý thu ngân sách trên địa bàn đảm bảo đúng quy định của Luật NSNN; Luật thuế và các văn bản quy định hiện hành.

- Phối hợp chặt chẽ với các ban ngành của phường để thu thuế XDTN, thuế vận tải tư nhân. Bám sát Văn số 1164/UBND-CCT ngày 29/4/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên về việc tiếp tục tăng cường quản lý thu thuế đối với cá nhân, nhóm cá nhân trong hoạt động xây dựng cơ bản trên địa bàn để triển khai thực hiện.

- Rà soát các hộ kinh doanh vận tải, thương mại điện tử, hộ kinh doanh mới phát sinh để kịp thời đưa vào quản lý.

- Rà soát, giám sát việc kê khai thuế hàng quý của các hộ nộp thuế theo phương pháp kê khai, đảm bảo kê khai đúng với thực tế phát sinh, tăng thu NS.

- Tích cực đôn đốc thu nợ để bù đắp nguồn hụt NSNN (GTGT+TNCN) phần đầu thu ở mức cao nhất có thể.

- Hoàn thành công tác lập bộ thuế SDD PNN trong tháng 7 để tiến hành thu nộp vào NSNN.

- Thường xuyên nắm bắt tuyên truyền và phối hợp với các ban ngành, đoàn thể, tổ dân phố tuyên truyền các chính sách pháp luật về thuế đến nhân dân và các cá nhân kinh doanh hiểu và chấp hành pháp luật thuế.

- Đối với công tác thu phí, lệ phí và thu khác, cần tập trung làm tốt công tác cải cách hành chính tại bộ phận một cửa tạo thuận lợi cho nhân dân đến giao dịch, nhằm tăng thu lệ phí chứng thực; tăng cường công tác quản lý và thu các nguồn thu từ phí sử dụng tạm thời lề đường bến bãi, thu phạt vi phạm hành chính về trật tự xây dựng, trật tự mỹ quan đô thị và vệ sinh môi trường.

- Nâng cao vai trò trách nhiệm, hoạt động hiệu lực, hiệu quả của Hội đồng tư vấn thuế, đội chống thất thu thuế phường.

#### **3.2. Về chi ngân sách:**

- Thực hiện nghiêm quy định của pháp luật và của UBND tỉnh về một số biện pháp điều hành quản lý ngân sách và thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong chi ngân sách. Mọi khoản chi thường xuyên của ngân sách tiết kiệm 10% để tạo nguồn làm lương.



- Hạn chế tối đa việc tổ chức các Lễ hội, lễ kỷ niệm, khởi công, lễ khánh thành, các hoạt động tham quan học tập kinh nghiệm; tiết kiệm tối đa việc sử dụng điện, nước, văn phòng phẩm; cắt giảm không tổ chức các hội nghị, hội thảo có nội dung không thiết thực.

**Nơi nhận:**

- TT Đảng ủy - HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các ban ngành, đoàn thể xã;
- Các vị đại biểu HĐND xã;
- Các vị đại biểu dự kỳ họp HĐND;
- Lưu: VP, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**TM. UBND P. TRUNG VƯƠNG  
CHỦ TỊCH  
Đặng Thế Sơn**

